

TIẾT 10

VĂN BẢN THƯƠNG VỢ (TÚ XƯƠNG)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. TÁC GIẢ TRẦN TẾ XƯƠNG (ĐỌC SGK)

2. VỀ BÀI THƠ THƯƠNG VỢ

-**Thể thơ:** Đường luật thất ngôn bát cú

-**Kết cấu:** 4 phần Đề - Thực - Luận - Kết

-**Đề tài:** Thuộc mảng thơ trữ tình viết về đề tài quen thuộc - người vợ trong thơ Tú Xương.

-**Chủ đề:** Bài thơ là ân tình sâu nặng của nhà thơ dành cho bà Tú - người vợ, người mẹ, người phụ nữ Việt Nam mang nhiều phẩm chất cao đẹp đáng ngưỡng mộ, trân trọng



II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. HAI CÂU ĐỀ

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng

-**Hình ảnh bà Tú với công việc “buôn bán” đầy vất vả, gian truân**

+ “*Quanh năm*” là thời gian tuần hoàn, vòng tròn, khép kín, ngày nối ngày, tháng tiếp tháng người vợ, người mẹ ấy gắn mình với công việc “buôn bán” để nuôi chồng nuôi con, “*mom sông*” một địa hình ba bề bốn bên đều là nước, nơi đầu sóng ngọn gió, chênh vênh, nhiều hiểm nguy, bất trắc nơi bà Tú phải gắn bó “*quanh năm*” để làm lụng.

+ “*Nuôi đủ*” ở đây là đủ ăn đủ mặc ở mức tối thiểu, số từ chỉ số đếm “*năm*”, “*một*” giọng thơ tự trào, bà Tú không chỉ nuôi con mà còn phải “nuôi chồng”- một gia đình đông đúc đủ thấy bà không chỉ vất vả, cơ cực nơi mom sông quanh năm suốt tháng mà còn vô cùng đảm đang tháo vát, chu đáo, khéo léo.



2. HAI CÂU THỰC

Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

Cảnh kiếm sống của bà Tú được gọi tả rõ nét, cụ thể hơn

+Lời thơ của Tú Xương gợi nhớ đến hình ảnh con cò gắn với cảnh ngộ, số phận của người phụ nữ, người nông dân trong ca dao xưa như: “*Cái cò lặn lội bờ sông /Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non*”, “*Cái cò mày đi ăn đêm /Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao*”... Trong thơ Tú xương hình ảnh cái cò, con cò trở thành “*thân cò*” hình ảnh ẩn dụ chứa bao sự cảm thông, chia sẻ với nỗi đau thân phận của người phụ nữ.

+Phép đảo ngữ cùng những từ láy tượng hình, tượng thanh “*lặn lội, eo sèo*” đã nhấn mạnh những nỗi vất vả, gian truân mà bà Tú trải qua. Một bà Tú xuất thân con gái nhà quan “*tiểu thư khuê các*” mà giờ đây cũng phong trần, lấm láp như ai, không quản ngại gian khổ, hiểm nguy để lo cho chồng cho con mặc cho quãng vắng, sông sâu, đò đầy...



3. HAI CÂU LUẬN

Một duyên hai nợ âu đành phận

Năm nắng mười mưa dám quân công.

Không chỉ chịu thương chịu khó, bà Tú còn là biểu hiện của đức hi sinh hết mực cho chồng con

“*Nắng, mưa*” là sự vất vả gắn với số từ “*năm, mười*” như nhân lên gấp bội sự nhọc nhằn, lam lũ, đắng cay. Thành ngữ dân gian: “*Một duyên hai nợ*”, “*Năm nắng mười mưa*” cùng các từ “*âu*”, “*dám*” cho thấy thái độ cam chịu, không nề hà, kêu ca...hết lòng hi sinh cho cuộc sống được đủ đầy của chồng con. Đó cũng là nét đẹp truyền thống của bao người phụ nữ Việt Nam xưa: “*Miếng nạc mẹ để phần chồng / Miếng xương mẹ gặm / Miếng lòng cho con*”.



=> Tóm lại, trong sáu câu thơ đầu, bằng tình cảm tri ân, cảm thông sâu sắc đối với người vợ, Tú Xương đã vẽ lên chân dung sinh động về một bà Tú tảo tần, đảm đang, giàu đức hi sinh chấp nhận vất vả, gian truân trong cuộc sống để đảm trách vai trò trụ cột gia đình. Hình ảnh bà Tú là biểu tượng cho người vợ, người mẹ, người phụ nữ Việt Nam mang nét đẹp truyền thống đáng ngợi ca, trân trọng. Đằng sau chân dung bà Tú là tấm lòng thương vợ, thấu hiểu, xót xa, tri ân của nhà thơ dành cho bà Tú.

4. HAI CÂU KẾT

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc

Có chồng hờ hững cũng như không.

-Người cất lên tiếng “*chửi*” ở đây là ông Tú. Ông “*chửi*” “*thói đời*” tức là những nếp nghĩ, thói quen, tập quán xấu đáng chê trách của Nho giáo cứ mặc nhiên được công nhận và chấp nhận trong xã hội đương thời. Tập tục phong kiến với nhiều hủ lậu bất công như: “*Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu*” đã không cho ông Tú được thương vợ một cách “*thiết thực*”, khiến bao người phụ nữ như bà Tú phải vất vả thiệt thòi. Vậy nên ông tự trách mình: “*hờ hững cũng như không*”.



+Nhưng đằng sau tiếng “*chửi*” mình, “*chửi*” đời, “*chửi*” xã hội ấy, là những giọt nước mắt của nỗi đau, của tâm trạng phẫn uất, của bi kịch Tú Xương. Đó là bi kịch của một lớp nhà Nho tài hoa không gặp thời, sống trong bối cảnh: Hán học đã suy tàn mất vận của xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời.

III. TỔNG KẾT (Ghi nhớ- sgk)

1. Nghệ thuật

Bằng thể thơ Đường luật thất ngôn bát cú, ngôn ngữ hình ảnh thơ cô đọng hàm súc, các từ láy giàu sức tạo hình, các phép tu từ đặc sắc như: *đảo ngữ, ẩn dụ*...

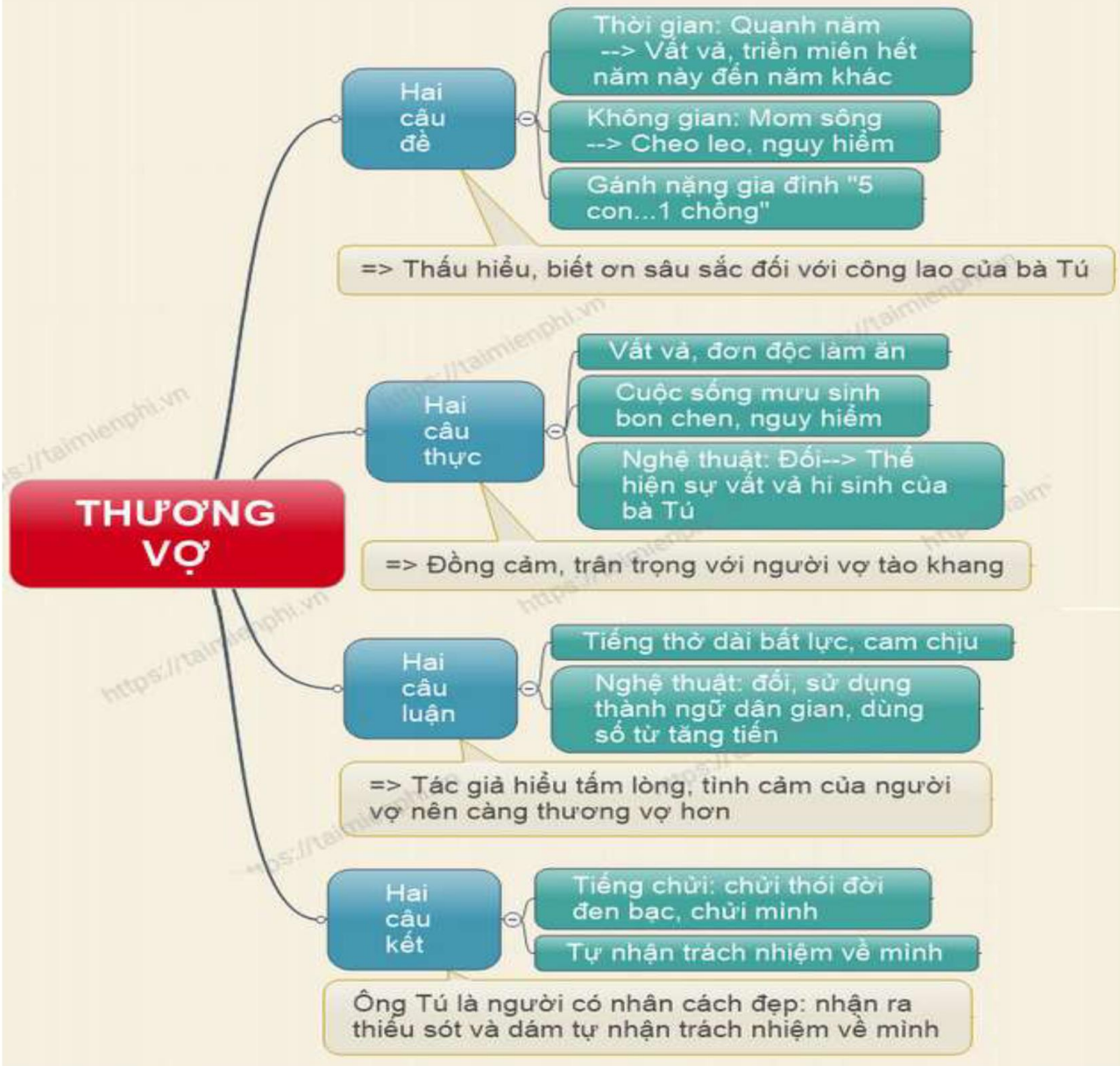
2. Nội dung

“*Thương vợ*” là ân tình sâu nặng của nhà thơ với người vợ tảo tần giàu đức hi sinh, là tâm sự tê tái đau thương của nhà thơ, của thế hệ nhà nho – trí thức nô lệ trong thời buổi nước mất nhà tan.



SƠ ĐỒ TƯ DUY BÀI THƯƠNG VỢ

(Thực hiện: <https://taimienphi.vn>)



BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM CÙNG CỐ KIẾN THỨC

1. Nhận định nào đúng với hoàn cảnh xã hội lúc Trần Tế Xương sống?

- A. Tế Xương sống trong hoàn cảnh xã hội nhiều biến động lúc Hồ Quý Ly soán ngôi nhà Trần.
- B. Ông sống trong hoàn cảnh nhà Minh xâm lược nước ta, dân tình khốn đốn, xã hội loạn ly.
- C. Ông may mắn trưởng thành lúc anh hùng áo vải Quang Trung đánh tan mấy mươi vạn quân Thanh, đất nước trở lại thái bình, kẻ sĩ được trọng đãi và ông được mời vào kinh dạy học.

D. Tú Xương sống vào giai đoạn giao thời đổ vỡ, xã hội phong kiến già nua đang chuyển thành xã hội lai căng thực dân nửa phong kiến.

2. Các sáng tác của Tú Xương chủ yếu tập trung vào hai phương diện nào sau đây?

- A. Phê phán – tố cáo
- B. Trữ tình - trào phúng
- C. Ngợi ca - đả kích
- D. Gia đình - xã hội

3. Bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương thuộc thể loại nào sau đây?

- A. Trữ tình
- B. Trào phúng
- C. Phê phán
- D. Tả thực

4. Bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương viết bằng thể thơ Đường luật nào?

- A. Thất ngôn tứ tuyệt
- B. Ngũ ngôn tứ tuyệt
- C. Thất ngôn bát cú
- D. Thất ngôn trường thiên

5. Điểm khác biệt nhất giữa nhà thơ Trần Tế Xương với nhiều nhà thơ khác thời phong kiến là gì?

- A. Trần Tế Xương sáng tác chủ yếu là thơ Nôm, ngoài ra còn có văn tế, đối và phú.
- B. Trần Tế Xương sử dụng nhiều thể thơ.
- C. Trần Tế Xương dành hẳn một đề tài gồm cả thơ, đối, văn tế... để viết về người vợ của mình, lúc bà đang sống.
- D. Trần Tế Xương sáng tác không những để thể hiện mình mà còn dành cả tấm lòng trân trọng cuộc đời.

6. Trần Tế Xương viết bài thơ “Thương vợ”, vì mục đích gì?

- A. Chế giễu mình.
- B. Tỏ sự đau khổ, bất lực trước đời sống khó khăn của gia đình.
- C. Thể hiện sự yêu thương, quý trọng, cảm thông, chia sẻ của ông đối với vợ, đồng thời bộc lộ tâm sự của mình.
- D. Nói lên sự vô tích sự của mình và đề cao người vợ “chịu thương chịu khó”.

7. Trong bài thơ “Thương vợ”, Trần Tế Xương mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói lên điều gì?

- A. Để nói lên tình cảm của tác giả gắn bó với quê hương ruộng đồng.
- B. Để nói lên sự lận đận vất vả của mình.
- C. Để nói lên sự bon chen kiếm sống vất vả.
- D. Để nói sự vất vả, tần tảo và giàu đức hy sinh của bà Tú.

8. Xác định đâu là ý nghĩa của 2 câu thơ (1, 2) “Quanh năm buôn bán ở mom sông; Nuôi đủ năm con với một chồng”?

- A. Bà Tú quanh năm buôn bán ở mom sông để nuôi năm đứa con và chồng.
- B. Một mình bà Tú mà vẫn nuôi “đầy đủ” cho cả gia đình.
- C. Dù quanh năm vất vả nhưng cũng chỉ “vừa đủ” cái ăn cho chồng - con mà thôi.
- D. Vừa nói bà Tú phải đảm đang, vất vả gánh vác gia đình, vừa gián tiếp nói lên lòng biết ơn của nhà thơ đối với vợ mình.

9. Xác định đâu là ý nghĩa của 2 câu thơ (3,4) “Lặn lội thân cò khi quãng vắng; Eo sèo mặt nước buổi đò đông”?

- A. Miêu tả con cò lặn lội nơi quăng vắng, mặt nước eo sèo để kiếm ăn.
- B. Miêu tả bà Tú như con cò vất vả, cô đơn kiếm ăn nơi quăng vắng
- C. Sự hoá thân của đối tượng trữ tình thành “thân cò”, làm nổi bật cái vất vả đảm đang của bà Tú và ẩn sau câu chữ vẫn là tấm lòng nhà thơ với cái nhìn ái ngại, cảm thông.
- D. Dù hoàn cảnh lúc thì “đông đúc” khi “vắng vẻ”, bà Tú vẫn miệt mài buôn bán.

10. Xác định đâu là ý nghĩa của 2 câu thơ (5, 6) “Một duyên hai nợ âu đành phận; Năm nắng mười mưa dám quản công”?

- A. Nhập thân vào thân phận bà Tú, nhà thơ than thở giùm vợ.
- B. Bà Tú than thân trách phận duyên mình.
- C. Bà Tú than khổ vì quá vất vả.
- D. Nhà thơ ca ngợi sự tần tảo của vợ.

11. Xác định đâu là ý nghĩa của 2 câu thơ (7, 8) “Cha mẹ thói đời ăn ở bạc; Có chồng hờ hững cũng như không”?

- A. Bà Tú than thân trách phận.
- B. Bà Tú than thân trách phận và chửi đời.
- C. Nhà thơ than thân trách phận và chửi đời.
- D. Nhà thơ tự “mắng” mình, tự nhận lỗi về mình vì đã không giúp được gì cho vợ.

12. Giá trị nội dung của bài thơ “Thương vợ” thể hiện rõ nét nhất là:

- A. Sự cảm thông chia sẻ với những khó khăn vất vả của người phụ nữ, đồng thời thể hiện thái độ trân trọng đối với những hy sinh của họ cho gia đình và xã hội.
- B. Đề cao hình ảnh người phụ nữ trong xã hội và những bất công mà họ đã hứng chịu.
- C. Bài thơ là nỗi niềm của những người chồng quanh năm sống nhờ vả vào sự tần tảo, vất vả đáng thương của những người vợ.
- D. Phản ánh một cách đầy đủ gia cảnh của Tú Xương, xuất phát từ sự thất thế của lớp nhà Nho cuối mùa.

13. Câu nào dưới đây tiêu biểu nhất về giá trị nghệ thuật của bài thơ “Thương vợ”?

- A. Cách gieo vần độc đáo.
- B. Sử dụng hiệu quả hình ảnh con cò trong văn học dân gian.
- C. Vận dụng thành ngữ một đầy sáng tạo và thành công trong thể thơ thất ngôn bát cú.
- D. Cảm xúc chân thành, tự nhiên, hóm hỉnh điêu luyện, bằng lời thơ giản dị mà sâu sắc.

ĐÁP ÁN: 1A, 2B, 3A, 4C, 5C, 6C, 7D, 8D, 9C, 10A, 11D, 12A, 13D.

GV SOẠN: ĐỖ MINH THÊM